HÌNH (FIGURE) 4.3:

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHỤ NỮ SINH CON THỨ BA TRỞ LÊN TRONG NĂM CHIA THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN, VIỆT NAM 2008

PERCENTAGE OF WOMEN GIVING BIRTH TO 3 CHILDREN OR MORE BY EDUCATIONAL LEVEL, VIETNAM 2008

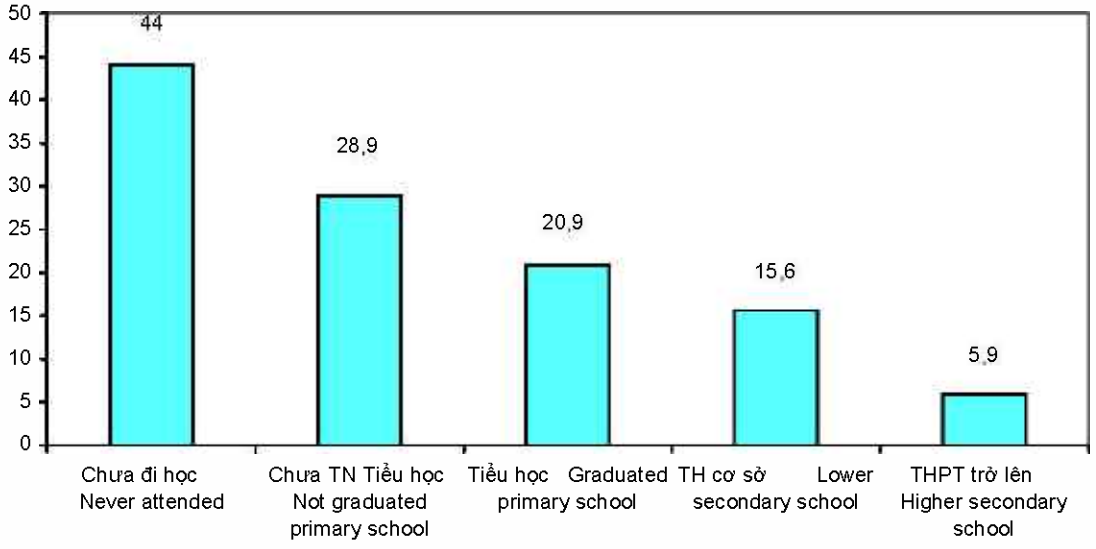

4.4 Mức độ chết và sự khác biệt

Kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 và các cuộc điều tra chọn mẫu biến động dân số từ năm 2003 đến nay đã cho thấy, tỷ suất chết dưới 1 tuổi (IMR) của cả nước là 15 phần nghìn và tỷ suất chết thô là 4,9 phần nghìn. Tỷ suất chết dưới 1 tuổi liên tục giảm, nhưng do giá trị của chúng trong những năm gần đây đã rất thấp nên mức giảm không nhiều. Khi so sánh tỷ suất chết thô (CDR) qua các năm đã cho thấy CDR của nước ta, cũng giống như các nước trong khu vực, có sự dao động lên xuống, nhưng không nhiều (xem Biểu 4.7).

4.4 Levels and differentials of mortality

Data collected in the 1999 Population and Housing Census and Population Change Sample Surveys from 2003 onward, show that, infant mortality rate (IMR) of the whole country is 15 per thousands and crude death rate is 4.8 per thousands. IMR has continuously decreased, but the reduction is not considerable due to the very low index of IMRs during recent years. A comparison of CDR by years shows that like other countries in the region, CDR of Vietnam has fluctuated slightly (see Table 4.7).

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor